

HƯỚNG DẪN BẢO HIỂM TAI NẠN VÀ SỨC KHỎE

INSTRUCTION OF ACCIDENT AND HEALTHCARE INSURANCE

1. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

Thông tin/ General Information	Chi tiết/ Details
Chủ hợp đồng bảo hiểm <i>Policy's Holder</i>	CÔNG TY TNHH CRYSTAL MARTIN (VIỆT NAM) <i>CRYSTAL MARTIN (VIETNAM) COMPANY LIMITED</i>
Số hợp đồng/ <i>Policy No.</i>	HAN.D18.BVC.20.HD01
Thời hạn bảo hiểm <i>Insurance Period</i>	Từ 01/02/2020 đến 31/01/2021 (bao gồm cả hai ngày này)/ <i>From 01/02/2020 to 31/01/2021 (two days inclusive)</i>
Công ty bảo hiểm <i>Insurance Company</i>	Tổng công ty bảo hiểm Bảo Việt <i>Baoviet Insurance Corporation</i>
Đơn vị giải quyết bồi thường <i>Claims settlement unit</i>	Ban bảo lãnh & chi trả viện phí – Tổng công ty bảo hiểm Bảo Việt/ <i>Guarantee & Payment Board - Baoviet Insurance Corporation</i>
Đơn vị môi giới <i>Insurance Broker Company</i>	Công ty Cổ phần Môi giới GiNET Việt Nam <i>GiNET Vietnam Insurance Broker Co., Jsc.</i>

2. QUYỀN LỢI BẢO HIỂM/ MAIN BENEFITS

Đơn vị tiền tệ/ *Currency: VND*

QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CHÍNH/ <i>CORE BENEFITS</i>	SỐ TIỀN BẢO HIỂM (STBH)/ NGƯỜI/ NĂM/ <i>SUM INSURED (SI)/ PERSON/ YEAR</i>
CHƯƠNG TRÌNH/ PLAN	1 (Nhân viên/ Staff)
Điều kiện A - Bảo hiểm Sinh mạng Chết, tàn tật toàn bộ vĩnh viễn do mọi nguyên nhân (không bao gồm nguyên nhân tai nạn) <i>Condition A - Term Life</i> <i>Death or Total Permanent Disablement due to all causes (excluding accident)</i>	500.000.000
Điều kiện B - Chết, thương tật vĩnh viễn do tai nạn/ <i>Condition B - Death or Permanent Disablement due to accident(s)</i>	500.000.000
1. Chết, thương tật toàn bộ vĩnh viễn/ <i>Death or Total Permanent Disablement</i>	100% STBH/ <i>100% Sum Insured</i>

<p>2. Thương tật bộ phận vĩnh viễn / <i>Partial Permanent Disablement</i></p>	<p>Theo Phụ lục II - Bảng tỷ lệ trả tiền thương tật vĩnh viễn/ <i>As per the Appendix II - Scale of compensation</i></p>
<p>Điều kiện C - Chi phí y tế do tai nạn/ <i>Condition C - Medical Expenses due to accident(s)</i></p>	<p>200.000.000</p>
<p>Bao gồm chi phí điều trị y tế nội/ngoại trú, thuốc men, vật tư y tế cần thiết theo kê đơn của bác sỹ, dịch vụ vận chuyển cấp cứu (loại trừ đường hàng không và dịch vụ IPA - INTER PARTNER ASSISTANCE CO.,LTD) phát sinh do việc điều trị tổn thương thân thể do tai nạn/ <i>Including medical expenses for In-patient/Out-patient treatment, medicines and materials prescribed by the attending doctors, Emergency transportation (excluding by air & IPA services - INTER PARTNER ASSISTANCE CO.,LTD) occurring for injury treatment due to accident(s)</i></p>	<p>Theo chi phí thực tế, hợp lý, không vượt quá STBH/ <i>Actual eligible expenses up to Sum Insured</i></p>
<p>Điều kiện D - Điều trị Nội trú do ốm bệnh, thai sản: Mức trách nhiệm tối đa/năm và theo các giới hạn phụ sau:/ <i>Condition D – Condition D: In-patient Treatment due to illness/ disease/ maternity</i> <i>(Overall Annual Limit/ Person and subject to corresponding sub-limits below)</i></p>	<p>630.000.000</p>
<p>1. Nằm viện do ốm bệnh, sinh thường, sinh mổ, biến chứng thai sản (Tối đa 60 ngày/năm) <i>1. Hospitalization Charges due to illness, normal delivery, Caesarean section, complications (max. 60 days/ year)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiền phòng chung hoặc riêng (phòng đơn tiêu chuẩn) + bữa ăn tiêu chuẩn trong bệnh viện - Phòng chăm sóc đặc biệt/ ngày (Tối đa 60 ngày/ năm) - Phòng cấp cứu - Các chi phí y tế khác trong thời gian nằm viện (bao gồm chi phí điều trị trong ngày) - <i>Room and board of all kinds + Standard meals in the hospital</i> - <i>Intensive Care Unit / day (Maximum 60 days / year)</i> - <i>Emergency ward</i> - <i>Other miscellaneous hospitalization charges (Extended day-patient treatment)</i> 	<p>Chi phí thực tế tối đa 10.500.000/ ngày và không quá 210.000.000/năm <i>Actual medical expenses, max. 10,500,000 / day and not exceeding 210,000,000/ year</i></p>
<p><i>Giới hạn tiền phòng/ngày</i></p>	<p>Phòng đơn tiêu chuẩn là phòng 01 giường có giá</p>

<p><i>Room / day limit</i></p>	<p>thấp nhất tại Bệnh viện/ khoa/ khu điều trị <i>Standard single room is the lowest priced single room in the Hospital / ward / treatment department</i></p>
<p>2. Phẫu thuật do ốm bệnh, sinh mổ, biến chứng thai sản 2. Surgical Operation due to illness, Caesarean section, complications</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chi phí thuốc men, vật tư y tế - Phòng mổ, phẫu thuật viên, các chi phí gây mê - Các thiết bị cần thiết và hợp lý theo sự kê đơn của bác sỹ - Các chi phí hội chẩn trước khi mổ và hồi sức sau khi mổ - Chi phí tái mổ - Chi phí cấy ghép nội tạng (loại trừ chi phí mua cơ quan cấy ghép nội tạng và toàn bộ các chi phí phát sinh cho người hiến bộ phận cơ thể) - Chi phí tiểu phẫu/ thủ thuật trong ngày/ nội trú (để điều trị bệnh) (bao gồm cả phẫu thuật trong ngày) - <i>Drugs, and materials,</i> - <i>Operating theatre, surgeon, Anesthetizing fees</i> - <i>Necessary surgical appliances prescribed by Physician</i> - <i>Fees for consultation before surgery and post-operation recovery</i> - <i>Redone operation</i> - <i>Organ transplantation (not including organ procurement costs as well as the costs incurred by the donor)</i> - <i>Cost of Day-patient/ In-patient Minor surgery / Surgical procedures (for treatment)</i> <i>(Extended day-patient surgery)</i> 	<p>Chi phí thực tế tối đa 210.000.000/năm <i>Actual medical expenses, up to 210,000,000/ year</i></p>
<p>3. Các quyền lợi khác (<i>Không áp dụng cho thai sản, trừ chi phí khám trước khi nhập viện phục vụ trực tiếp cho ca sinh được bảo hiểm theo mức giới hạn phụ của quyền lợi 3a</i>) 3. Other Benefits (<i>Not applicable for maternity, except for costs of final examination/ test immediately prior to hospital admission directly associated to childbirth case subject to sub-limits of benefits 3a</i>)</p>	
<p>a. Chi phí khám trước khi nhập viện (1 lần khám duy nhất trong vòng 30 ngày trước khi nhập viện)/ Pre-admission examination charges (<i>only one examination/ test within 30 days immediately prior to hospital admission</i>)</p>	<p>Chi phí thực tế tối đa 10.500.000/năm <i>Actual medical expenses, up to 10,500,000/ year</i></p>

b. Chi phí điều trị sau khi xuất viện (30 ngày kể từ ngày xuất viện)/ <i>Post-hospitalization treatment (within 30 days immediately following the date of charge)</i>	Chi phí thực tế tối đa 10.500.000/năm <i>Actual medical expenses, up to 10,500,000/ year</i>
c. Chi phí y tá chăm sóc tại nhà ngay sau khi xuất viện (tối đa 15 ngày/năm)/ <i>Home Nursing (immediately following the date of discharge), Max 15 days/year</i>	Chi phí thực tế tối đa 10.500.000/năm <i>Actual medical expenses, up to 10,500,000/ year</i>
d. Trợ cấp nằm viện (tối đa 60 ngày/ năm) <i>Hospital Cash Allowance (Max. 60 days/year)</i>	Chọn 1 trong 3 loại trợ cấp/ <i>Choose 1 of 3 allowances:</i>
a. – Trợ cấp nằm viện/ ngày khi điều trị tại Bệnh viện tư/ quốc tế/ khoa dịch vụ viện công/ <i>Hospital Cash Allowance / day during private / international hospital / public hospital services</i>	210.000/ ngày <i>210,000/day</i>
b. – Trợ cấp nằm viện/ ngày khi điều trị tại Bệnh viện công (không bao gồm Khoa tự nguyện, dịch vụ, yêu cầu)/ <i>Hospital Cash Allowance/day in public hospital</i>	420.000/ ngày <i>420,000/day</i>
c. – Trợ cấp nằm viện/ ngày – tại viện công khi sử dụng thẻ BHYT nhà nước (40% trở lên) – không áp dụng tại khoa tự nguyện, khoa quốc tế, khoa A bv Nhi, khoa điều trị theo yêu cầu , khoa C Việt Đức/ <i>Hospital Cash Allowance/ day in public hospital in case that public health insurance has paid 40% or more – Not applicable at the voluntary department, international department, A Department – Vietnam National Children’s Hospital, required treatment department, IC Department – Viet Duc Hospital.</i>	630.000/ ngày <i>630,000/day</i>
e. Phục hồi chức năng / Rehabilitation	Chi phí thực tế tối đa 21.000.000/năm <i>Actual medical expenses, up to 21,000,000/ year</i>
f. Dịch vụ xe cứu thương (không bao gồm đường hàng không và dịch vụ cứu trợ IPA – INTER PARTNER ASSISTANCE CO.,LTD) / <i>Ambulance Costs (excluding air transportation and IPA services – INTER PARTNER ASSISTANCE CO.,LTD)</i>	Chi phí thực tế tối đa 210.000.000/năm <i>Actual medical expenses, up to 210,000,000/ year</i>
Mở rộng chi trả taxi nhưng phải có hóa đơn taxi và điểm đến là bệnh viện/ phòng khám <i>Extend to pay taxi cost, required providing a taxi bill and a hospital/ clinic destination</i>	200.000/người/năm <i>200,000/person/year</i>
g. Trợ cấp mai táng (từ vong khi nằm viện) <i>Burial allowance (death in hospital)</i>	2.000.000/vụ <i>2,000,000/occurrence</i>
h. Chi phí dưỡng nhĩ (áp dụng cho hợp đồng có từ 50 nhân viên trở lên)	600.000/năm <i>600,000/ year</i>

<p><i>New-born baby care (applicable for group from 50 employees or more)</i> (trong vòng 7 ngày sau khi được sinh ra tại bệnh viện với điều kiện mẹ vẫn còn nằm viện), loại trừ bệnh bẩm sinh và vắc xin./ (within 7 days after being born in a hospital provided that the mother remains in the hospital), excluding congenital diseases and vaccines.</p>	
<p>Giới hạn tối đa đối với mọi quyền lợi thai sản và sinh để không vượt quá/ Maximum limit for Maternity:</p>	<p>210.000.000/người/năm/ 210,000,000/person/year</p>
<p>a. Sinh thường/ <i>Normal Delivery</i> b. Biến chứng thai sản/ <i>Complications</i> c. Sinh mổ/ <i>Cesarean</i></p>	<p>Bồi thường theo và thuộc giới hạn năm viện (mục 1) và giới hạn phẫu thuật (mục 2) nêu trên, tối đa đến số tiền bảo hiểm quyền lợi thai sản/ <i>Covered as per the sub-limit of 1. Hospitalization charges/day & 2. Surgical operation above, up to the sum insured of Maternity</i></p>
<p>- Trợ cấp sinh tại viện công (loại trừ khoa tự nguyện, khoa theo yêu cầu của sản Hà Nội và sản TW, khoa dịch vụ tại các viện khác)/ <i>Childbirth Allowance at public hospital (Not applicable at the voluntary department, department of treatment as required of Hanoi Obstetrics & Gynecology Hospital, National Hospital of Obstetrics and Gynecology, Service Department of the other hospitals)</i></p>	<p>1.000.000/ ca sinh/ <i>1,000,000/occurrence</i></p>
<p>- Trợ cấp sinh tại viện công có sử dụng bảo hiểm y tế (từ 70% trở lên)/ <i>Childbirth Allowance at public hospital in case that public health insurance has paid 70% or more</i></p>	<p>Sinh thường/ <i>Normal delivery</i>: 2,000,000/ ca sinh/ <i>occurrence</i> Sinh mổ/ <i>Cesarean</i>: 3,000,000/ ca sinh / <i>occurrence</i></p>
<p>Chi phí khám thai lần cuối cùng trước sinh (1 lần duy nhất trong vòng 30 ngày trước sinh)/ <i>The cost of the last pregnancy check-up (within 30 days immediately prior to hospital admission)</i></p>	<p>10.500.000/ năm 10,500,000/ year</p>
<p>Chi phí tái khám lần gần nhất sau sinh (trong vòng 30 ngày sau sinh) <i>Expenses for latest examination after giving birth (within 30 days after birth)</i></p>	<p>10.500.000/ năm 10,500,000/ year</p>
<p>QUYỀN LỢI BẢO HIỂM BỔ SUNG/ OPTIONAL BENEFITS</p>	<p>SỐ TIỀN BẢO HIỂM (STBH)/NGƯỜI/NĂM INSURANCE AMOUNT (STBH) / PERSON / YEAR</p>

<p>1. Điều trị ngoại trú do ốm bệnh (Không áp dụng cho thai sản và biến chứng thai sản Mức trách nhiệm tối đa/năm và theo các giới hạn phụ sau: 1. Out-patient due to illness/sickness, diseases (Not apply for Maternity and Childbirth, complications of Maternity and childbirth) <i>Overall Annual Limit/ Person and subject to corresponding sub-limits below:</i></p>	<p>15.000.000</p>
<p>a. Điều trị ngoại trú do ốm bệnh: - Chi phí khám bệnh, tiền thuốc theo kê đơn của bác sỹ, chi phí cho các xét nghiệm, chụp X-quang, siêu âm, chẩn đoán hình ảnh trong việc điều trị bệnh thuộc phạm vi bảo hiểm. - Chi phí phẫu thuật/ Thủ thuật/ Tiêu phẫu ngoại trú (để điều trị) - Nội soi/thủ thuật (bao gồm nội trú, trong ngày hoặc ngoại trú) chỉ nhằm mục đích chẩn đoán bệnh mà không điều trị - Chi phí khám Vật lý trị liệu lần đầu tiên đối với mỗi đợt (lộ trình) điều trị Out-patient due to illness/sickness, diseases - <i>General Practitioners and Specialist fees, prescribed medicines, Laboratory tests, X-ray tests, diagnostic and treatment prescribed by a physician within scope of coverage.</i> - <i>Out-patient surgery/ Minor surgery/ Surgical procedures (for treatment)</i> - <i>Endoscopy/treatment procedures (in-patient/day-patient/out-patient) for diagnosis purpose (not for treatment)</i> - <i>The cost of the first exam for each physiotherapy treatment (route)</i></p>	<p>3.000.000/lần khám và điều trị/ visit and treatment không giới hạn số lần khám/ No limit</p>
<p>b. Điều trị bằng phương pháp vật lý trị liệu, trị liệu học xạ, nhiệt, liệu pháp ánh sáng và các phương pháp điều trị khác tương tự do Bác sỹ chỉ định tại bệnh viện - Mở rộng chi phí khám chữa bệnh đông y/ Physiotherapy, radiotherapy, heat therapy, phototherapy and similarities prescribed by a physician at hospitals - Extending for costs of Chinese treatment</p>	<p>100.000/ngày Tối đa 60 ngày/năm 100,000/ day Up to 60 days/ year</p>

<p>c. Điều trị răng bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khám, chụp X.Q; - Viêm nướu (lợi), nha chu; - Trám răng bằng chất liệu thông thường như amalgam, composite, fuji...; - Điều trị tuỷ răng; - Cạo vôi răng (lấy cao răng); và - Nhổ răng bệnh lý (bao gồm tiểu phẫu, phẫu thuật) <p><i>c. Basic dental care:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Examination, X. Ray; - Gingivitis, pyorrhoea; - Normal compound fillings including amalgam, composite, fuji...; - Root canal treatment; - Teeth cleaning; and - Extraction of diseased teeth (extend to surgery/ minor surgery) 	<p style="text-align: center;">3.000.000/năm 3,000,000/year</p> <p style="text-align: center;">(trong đó Cạo vôi răng tối đa 400.000/năm /including 400,000/year for Teeth cleaning)</p>
<p><i>Điều trị răng được giới hạn tại các cơ sở khám chữa bệnh như sau:</i></p> <p>Hợp đồng này bồi thường cho các chi phí khám chữa răng hợp lý, hợp lệ và được điều trị tại các nơi theo quy định sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuyên khoa Nha tại tất cả các Bệnh viện hoạt động hợp pháp trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam. - Riêng tại Tp. Hồ Chí Minh và Hà Nội: ngoài những chuyên khoa Nha tại tất cả các bệnh viện nói trên, hợp đồng này chỉ chấp thuận bồi thường cho các điều trị xảy ra tại các phòng khám nha/phòng khám trong hệ thống có thỏa thuận ký kết bảo lãnh với Bảo Việt - Đối với các Tỉnh thành khác: ngoài những chuyên khoa Nha tại tất cả các Bệnh viện nói trên, hợp đồng này chấp nhận bồi thường chi phí điều trị ở tất cả các phòng khám nha/phòng khám có giấy phép đăng ký kinh doanh và giấy phép hành nghề hợp pháp và cấp được hóa đơn hợp lệ theo quy định của Bộ Tài Chính. - CTBH không chi trả cho các chi phí khám chữa răng tại Nha khoa Happy (26, Hàm Nghi, Đà Nẵng), Nha Khoa Đại Nam (328, Ông Ích Khiêm, Thanh Khê, Đà Nẵng). <p>Danh sách này có thể thay đổi mà không cần báo trước và được cập nhật thường xuyên trên website của CTBH (http://www.baoviet.com.vn/insurance)</p> <p><i>Dental treatment is limited at the following medical establishment:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> <i>Dental departments at all legal hospitals in Vietnam.</i> HCMC and Hanoi: besides Dental departments at legal hospitals, dental treatment is strictly limited at the clinics/ dental clinics in the Direct Billing System signed with Bao Viet Insurance. Other cities/ provinces: besides Dental departments at legal hospitals, the insurer shall extend to cover treatments at legally licensed clinics/ dental clinics and being able to issue legal invoices in accordance with Ministry of Finance. Bao Viet will not cover for treatments at Happy dental clinic (26 Ham Nghi, Da Nang), Dai Nam dental clinic (328 Ong Ich Khiem, Thanh Khe District, Da Nang). <p><i>Our black-list may be revised without prior notice. For full details please see our website (http://www.BaoViet.com.vn/insurance)</i></p>	
<p>2. Trợ cấp lương trong thời gian nghỉ điều trị do tai nạn</p> <p>Mức trách nhiệm tối đa/người/năm</p>	<p style="text-align: center;">30.000.000</p>

2. <u>Salary allowance during Injury Treatment</u> <i>Maximum limit/person/year</i>	
<ul style="list-style-type: none"> - Trợ cấp lương trong thời gian nghỉ điều trị nội trú và/hoặc ngoại trú do tai nạn theo chỉ định của bác sỹ điều trị (Tối đa 60 ngày/ năm)/ - <i>Compensation for loss of salary during actual period off work for injury in-patient/out-patient treatment due to Accident according to doctor's instruction (Max 60 days/year)</i> 	Trợ cấp ngày / <i>Daily allowance</i> : 500.000 VND
3. Trợ cấp lương trong thời gian nghỉ điều trị do ốm bệnh Mức trách nhiệm tối đa/người/năm 3. <u>Salary allowance during Illness treatment</u> <i>Maximum limit/person/year</i>	30.000.000
<ul style="list-style-type: none"> - Trợ cấp lương trong thời gian nghỉ điều trị nội trú do ốm bệnh (không áp dụng cho thai sản) theo chỉ định của bác sỹ điều trị (Tối đa 60 ngày/năm)/ <i>Compensation for loss of salary during actual period off work for in-patient treatment of illness / disease (excluding maternity and childbirth) according to doctor's instruction. (Max 60 days/year)</i> 	Trợ cấp ngày/ <i>Daily allowance</i> : 500.000 VND

(*) Số tiền bồi thường cho NDBH một năm không vượt quá giới hạn tối đa trong Bảng tóm tắt Quyền lợi bảo hiểm

(*) *Sum Insured are the limits of compensation to any one Insured Person for all claims happening during a Policy period*

(**) **Định nghĩa một lần khám/ điều trị:** Một lần khám bệnh là một lần được bác sỹ thăm khám lâm sàng, xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thăm dò chức năng hay các thủ thuật thăm dò khác, thuốc điều trị nhằm mục đích chẩn đoán bệnh và điều trị bệnh. Trường hợp khám một chuyên khoa nhiều lần trong ngày thì chỉ tính là một lần khám bệnh. Trường hợp người bệnh khám nhiều chuyên khoa trong cùng một cơ sở y tế trong một ngày thì vẫn chỉ tính là một lần khám bệnh

How is the definition “a visit” in Outpatient understood: *A visit by a Physician for the clinical examination, testing, imaging diagnosis, functional probe or any other examination and medications for disease diagnosis and treatment. Where a patient has a number of visits to a specialist within one day, it is considered as a visit. Where a patient must visit some other specialist, whether assigned by a Physician, in the same Medical facility and in a time of visit, it is still considered as a visit.*

* Bảo Việt sẽ chi trả chi phí mua thuốc trong vòng 05 ngày kể từ khi bác sỹ kê đơn/ *Baoviet will pay the medicine expenses within 05 days from the doctor's prescription.*

II. THỜI GIAN CHỜ/ WAITING PERIOD

- Với các trường hợp NĐBH đã tham gia bảo hiểm năm trước và đã qua thời gian chờ: không áp dụng thời gian chờ. Riêng trường hợp nâng hạn mức trách nhiệm: Áp dụng thời gian chờ từ đầu theo bảng thời gian chờ quy định của Hợp đồng cho phần hạn mức chênh lệch cao hơn./

For the insurer has participated in insurance last year and has passed the waiting period: no waiting time applied. Particularly for raising the limit of liability: Apply the waiting time from the beginning according to the prescribed waiting time table of Policy for the higher limits.

- Với các trường hợp NĐBH chờ chưa đủ 01 năm hoặc tham gia từ Sửa đổi bổ sung : tiếp tục chờ phần thời gian chờ còn lại. Riêng với trường hợp nâng hạn mức trách nhiệm sẽ áp dụng chờ từ đầu theo bảng thời gian chờ quy định cho phần hạn mức chênh lệch này/

For the insurer has not waited for less than 01 year or joined from the Amendments: continue to wait for the remaining waiting time. Particularly for raising the limit of liability: Apply the waiting time from the beginning according to the prescribed waiting time table of Policy for the higher limits.

-Với các trường hợp tham gia mới áp dụng như sau/

For new participants, applied as below:

1. Với nhân viên / <i>For employees</i> : áp dụng thời gian chờ như sau / <i>applied the waiting period as follows</i> (số lượng nhân viên tính tại thời điểm đầu hợp đồng / <i>according to the number of employees at the beginning of the contract</i>)	
Điều trị nội trú, ngoại trú, trợ cấp lương <i>In-patient/ Out-patient Treatment, salary allowance</i>	- Không áp dụng - Not applied
Thai sản <i>Maternity and Childbirth</i>	- Tỷ lệ 90 ngày đầu tiên đối với sảy thai, bỏ thai, điều trị thai sản theo chỉ định của bác sỹ điều trị / <i>Prorata of first 90 days in case of miscarriage, abortion, complications indicated by an attending physician</i> - Tỷ lệ 270 ngày đầu tiên đối với sinh con / <i>Prorata of first 270 days in case of childbirth</i>
Tử vong, tàn tật toàn bộ vĩnh viễn <i>/Death, Total Permanent Disablement</i>	- 30 ngày đầu tiên đối với ốm đau, bệnh tật thông thường/ <i>First 30 days in case of normal illness/ diseases</i> - 365 ngày đầu tiên đối với thai sản, bệnh/thương tật có sẵn, bệnh đặc biệt, bệnh loại trừ trong 365 ngày đầu tiên như định nghĩa/ <i>First 365 days in case of maternity/childbirth, pre-existing diseases, special diseases and diseases shall not be covered during the first 365 days as defined</i>

*** Bệnh có sẵn / Pre-existing diseases:**

Là bệnh có từ trước ngày bắt đầu được nhận bảo hiểm theo Hợp đồng bảo hiểm và là bệnh mà NĐBH / *Disease which exists before applying for insurance and due to such medical condition, the Insured Person:*

- Đã phải điều trị trong vòng 3 năm gần đây / *has been under treatment within three (03) previous years*
- Triệu chứng bệnh đã xuất hiện hoặc đã xảy ra trước ngày ký hợp đồng mà NĐBH đã biết hoặc ý thức được cho dù NĐBH có thực sự khám, điều trị hay không / *has recognized or has been aware or should reasonably be aware of symptoms of such illness/disease before the date of applying for the insurance, regardless of whether a consultation/ treatment is received or not.*

**** Bệnh đặc biệt / Special Diseases:**

Là những bệnh ung thư và u các loại, huyết áp, tim mạch, loét dạ dày, viêm đa khớp mãn tính, loét ruột, viêm gan, viêm màng trong dạ con, trĩ, sỏi trong các hệ thống tiết niệu và đường mật, viêm xoang, đục thủy tinh thể do bệnh lý, Parkinson, bệnh đái tháo đường, bệnh liên quan đến hệ thống tái tạo máu như lọc máu, thay máu, chạy thận nhân tạo.

Cancer and tumour of all types, hypertension, cardio-vascular diseases, and stomach ulcers, chronic inflame of bone joints, intestines ulcers, liver inflammation, and inflammation of inside uterus, haemorrhoids, different kinds of stone in perspiring system, sinusitis inflammation, parkinson, diabetes, disease relating to recreating blood system and renal dialysis

***** Bệnh/thương tật bị loại trừ trong 365 ngày tham gia đầu tiên của NĐBH / Illness, diseases excluded in the first year**

Viêm Amidan cần phải cắt, viêm VA cần phải nạo, vẹo vách ngăn cần phẫu thuật, rối loạn tiền đình, bệnh hen, bệnh thoái hóa đốt sống, viêm tai giữa cần phẫu thuật đặt ống thông khí, trĩ cần phẫu thuật, thoát vị đĩa đệm, thoái hóa khớp, phẫu thuật dây chằng.

Tonsillitis requiring tonsillectomy, tonsillitis requiring adenoidectomy, nasal septum deviation requiring a surgery, vestibular disorders, asthma, spinal degeneration, otitis media requiring a surgery for fitting hearing aids, hemorrhoids requiring a surgery, spinal disk herniation, osteoarthritis and tendon repair

****** Bệnh thông thường/ Normal Diseases**

Bệnh thông thường: không có thời gian ủ bệnh lâu dài mà là những tình trạng bệnh cấp tính, mới phát sinh và điều trị dứt điểm, không tái đi tái lại nhiều lần như bệnh mãn tính

Ví dụ: sốt xuất huyết, nổi mề đay, viêm mũi dị ứng, mổ ruột thừa, cảm sốt.

They are acute diseases which have no long-term incubation period, newly arising and treating completely, no repeating many times as chronic disease

For example: dengue fever, urticaria, allergic rhinitis, appendicitis, fever....

III. ĐIỀU KHOẢN MỞ RỘNG/ *EXTENSION CLAUSES*

ĐIỀU KHOẢN/ <i>EXTENSION CLAUSES</i>	Bảo Việt - 2020
1. Điều khoản bảo hiểm ngộ độc thức ăn, đồ uống, khí gas, khí độc/ <i>Deleterious food and drink poisoning, gas poisoning and poison gas suffocation Clause</i>	tối đa 500.000.000 VNĐ/hợp đồng/năm <i>Limit: 500,000,000 VND/policy/year</i>
2. Bảo hiểm cho vật tư y tế bao gồm như Natri clorid, Sterima, Humer, Marinmer, Xisat... trong quyền lợi điều trị ngoại trú/ <i>Insurance for medical supplies, including sodium chloride, Sterima, Humer, Marinmer, Xisat ... in outpatient benefits:</i>	Tối đa 200,000 VNĐ/người/năm/ <i>Up to 200,000 VND / person / year</i>
3. Điều khoản mở rộng về không tặc / <i>Expanded to cover for hijackers</i>	Được bảo hiểm / <i>Applied</i>
4. Điều khoản chi phí điều trị Đông y, nắn xương/khớp / <i>Expanded to cover for Chinese treatment and osteopathy expenses</i>	Được bảo hiểm / <i>Applied</i>
5. Bảo hiểm cho dao mổ trĩ theo phương pháp Longo với sự kiện thuộc phạm vi bảo hiểm/ <i>Cover for knives for hemorrhoids under the Longo method with coverage insurance</i>	Đồng BH 50/50 <i>Co – insurance 50/50</i>
6. Vitamin và khoáng chất hỗ trợ điều trị bệnh/ <i>Vitamins and minerals supporting the treatment of diseases</i>	CTBH sẽ xem xét bồi thường khoáng chất, vitamin khi thỏa mãn các điều kiện sau: - Được kê đơn theo sự chỉ định của Bác sỹ điều trị; - Hỗ trợ cho việc điều trị bệnh/tai nạn; - Trong toa thuốc phải có thuốc điều trị đi kèm; - Tổng chi phí cho các loại khoáng chất, vitamin không lớn hơn 20% tổng chi phí của cả toa thuốc. <i>Baoviet will consider compensation minerals, vitamins when satisfying the following conditions:</i> - <i>Prescribed as directed by the attending physician;</i> - <i>Support for the treatment of illnesses / accidents;</i> - <i>A prescription must be accompanied the main medicine for treatment;</i> - <i>The total cost of minerals and vitamins must not exceed 20% of the total cost of the entire prescription.</i>
7. Mở rộng cho nẹp, vis trong phẫu thuật xương tai nạn/ <i>Expanded to cover for disc and metal screws in bone surgery due to accident</i>	được bảo hiểm 10% STBH của quyền lợi Điều kiện C “Chi phí y tế do tai nạn”/ <i>maximum 10% of Sum Insured of Condition C - Medical expenses due to accident(s)</i>

<p>8. Chấp nhận chi trả các chi phí theo yêu cầu như chọn giờ, chọn bác sĩ phẫu thuật theo yêu cầu hoặc phẫu thuật bệnh lý thuộc phạm vi bảo hiểm tại bệnh viện đa khoa, bệnh viện chuyên khoa công lập TRỪ QUYỀN LỢI THAI SẢN/ <i>Coverage for required expenses such as time selection, surgeon selection as requirements of patients or pathological surgery at general hospital, public hospital, EXCEPT MATERNITY BENEFITS</i></p>	<p>Được bảo hiểm / <i>Applied</i></p>
<p>9. Gói sinh dịch vụ theo yêu cầu tại khoa D3, D4, D5 của bệnh viện phụ sản Hà Nội và phụ sản công lập mà ko yêu cầu bảng kê chi tiết/ <i>Required delivery package at D3, D4, D5 faculties of National hospital of obstetrics and gynecology and Hanoi hospital of obstetrics and gynecology without requiring a detailed list</i></p>	<p>được bảo hiểm nếu đây là quy định của bệnh viện/ <i>fully covered if it is the regulation of the hospital</i></p>
<p>10. Không yêu cầu người được bảo hiểm cung cấp hóa đơn tiền thuốc nếu người được bảo hiểm không yêu cầu bồi thường chi phí này/ <i>Baoviet will not ask the insured to provide drug/ medicine invoice/ bills unless the insured asks for being reimbursed</i></p>	<p>Được bảo hiểm / <i>Applied</i></p>
<p>11. Trường hợp đi khám có bệnh, có làm xét nghiệm nhưng không có đơn thuốc điều trị/ <i>In case of taking examinations, there are disease result and tests, but no prescriptions</i></p>	<p>Được BH với điều kiện bác sĩ có lời khuyên/ hướng điều trị liên quan tới bệnh <i>Fully covered if the doctor has advice/ direction for treatment related to the disease being concluded</i></p>
<p>12. Miễn dấu bệnh viện trên kết quả xét nghiệm, với điều kiện đã có đủ chữ ký và dấu chức danh của bác sĩ/ <i>Exemption for hospital stamp on test results if the test results are enough the signatures and stamps of doctors</i></p>	<p>áp dụng với bệnh viện công/ <i>applied at public hospitals</i></p>
<p>13. Đồng ý xuất hóa đơn tiền thuốc trong 30 ngày với điều kiện mua thuốc trong vòng 05 ngày kể từ ngày kê đơn/ <i>Accepting to issue invoice of medicine within 30 days in case of buying medicine within 5 days of prescription</i></p>	<p>Được bảo hiểm / <i>Applied</i></p>
<p>14. Chấp nhận toa thuốc tại bệnh viện có mã vạch bệnh nhân in điện tử không cần đóng dấu mộc/ <i>Accepting prescription at a hospital with an electronic barcode, no need to be stamped</i></p>	<p>áp dụng với bệnh viện công/ <i>applied at public hospitals</i></p>
<p>15. Mở rộng miễn bảng kê tại viện công: Không yêu cầu bảng kê chi tiết viện phí điều trị nội trú đối với tổng chi phí điều trị dưới VND 2,000,000 và chi phí điều trị ngoại trú với tổng chi phí điều trị dưới VND 500,000 tại Bệnh viện công / <i>Extend the breakdown list of expenses in public hospitals:</i></p>	<p>áp dụng với bệnh viện công/ <i>applied at public hospitals</i></p>

<i>The breakdown list is not required in case of the total treatment expenses less than VND 2,000,000 with Inpatient and less than VND 500,000 with Outpatient</i>	
16. Yêu cầu dấu công ty và chữ ký quản lý trên giấy yêu cầu bồi thường: Người được phân cấp ký có thể ủy quyền cho một người đại diện khác ký thay với điều kiện gửi giấy ủy quyền kèm chữ ký mẫu cho Bảo Việt. / <i>Request company seal and manager's signature on Claim form: The person authorized to sign may authorize another representative to sign on Claim form, required sending the power of attorney with the sample signature to Bao Viet.</i>	Áp dụng / <i>Applied</i>

IV. NHỮNG ĐIỂM LOẠI TRỪ CHÍNH/ MAIN EXCLUSIONS

Về danh mục đầy đủ những điểm loại trừ, vui lòng xem thêm phần Điểm loại trừ thuộc Bộ quy tắc bảo hiểm đính kèm hợp đồng/ (Other exclusions please refer to the exclusions in insurance policy)

- Người được bảo hiểm không có bằng lái xe, điều khiển phương tiện giao thông vượt quá nồng độ cồn quy định
- Người được bảo hiểm vi phạm pháp luật, nội quy, quy định của chính quyền địa phương hoặc của các tổ chức xã hội
- Người được bảo hiểm bị tác động bởi chất kích thích, chất gây nghiện, thuốc cai nghiện, thuốc không được bác sỹ chuyên môn kê toa, rượu, bia hoặc các chất có cồn và việc ảnh hưởng này là nguyên nhân gây ra tai nạn,...
- Kiểm tra sức khỏe định kỳ
- Kiểm tra mắt, kiểm tra thính giác thông thường, các khuyết tật thoái hóa tự nhiên của mắt (cận, viễn, loạn thị), đục thủy tinh thể không do nguyên nhân bệnh lý bất kỳ phẫu thuật nào để hiệu chỉnh các khuyết tật thoái hóa thính giác và thị giác
- Điều trị tại nhà, điều trị tại các cơ sở không có giấy phép kinh doanh
- Khuyết tật bẩm sinh, dị tật bẩm sinh, các bệnh hoặc dị dạng thuộc về gen, di truyền
- Các điều trị với mục đích thẩm mỹ
- Kế hoạch hóa gia đình, điều trị vô sinh, điều trị bất lực, rối loạn chức năng sinh dục, thay đổi giới tính, hay bất cứ hậu quả hoặc biến chứng nào của điều trị trên
- Các bệnh lý về tâm thần, rối loạn tâm lý, “suy nhược thần kinh”, suy nhược cơ thể, mệt mỏi, mất điều tiết, stress, phong, giang mai, lậu, AIDS và các hội chứng liên quan, bệnh lây nhiễm qua đường tình dục.
- Thiết bị, dụng cụ chỉnh hình, thiết bị trợ thính hoặc thị lực, các máy móc, thiết bị dụng cụ phục

vụ cá nhân Người được bảo hiểm để chẩn đoán bệnh hoặc hỗ trợ điều trị y tế. Thiết bị cấy ghép bên trong cơ thể, bộ phận giả,...

- ✓ *War, invasion, act of enemy, hostilities or warlike operations, civil war ...*
- ✓ *Injury, sickness, illness or disease sustained as a result of a criminal act of the policyholder or insured person, violation or attempted violation of law and resistance to lawful arrest or any resultant imprisonment.*
- ✓ *Suicide, self-injury or willful exposure to peril (other than in an attempt to save human life),*
- ✓ *Treatment for sleep related breathing disorders (including snoring), fatigue, or stress.*
- ✓ *The Insured is under treatment for alcoholism, drug or substance abuse or any addictive condition of any kind and any injury or illness arising directly or indirectly from such abuse or addiction.*
- ✓ *Any normal eye test/examination, normal hearing test/examination, non-medical/natural refractive eye defects and any corrective surgery for non-medical/natural degenerative sight and hearing defects*
- ✓ *Any type of treatment for Beauty purpose, cosmetic or plastic surgery unless it is re-constructive surgery necessitated by an accidental injury that occurred during the period of insurance stated on the Policy. Treatment for obesity, weight reduction and weight improvement programs.*
- ✓ *Cost of acquisition of organ for transplant*
- ✓ *Any investigation test or treatment which directly or indirectly results from or is related to infection by, which includes sero-positivity to, any Human Immunodeficiency Virus (HIV) or Acquired Immune Deficiency Syndrome (AIDS)*

V. HƯỚNG DẪN THỦ TỤC BẢO LÃNH VIỆN PHÍ/ INSTRUCTION FOR USING DIRECT BILLING SERVICES

1. Dịch vụ bảo lãnh viện phí tại Việt Nam/ Direct billing services in Vietnam

- **Nội trú/ Hospitalization:** theo Danh sách bảo lãnh viện phí của Bảo Việt/ following to the Direct Billing list of Baoviet
- **Ngoại trú và Nha khoa/ Outpatient and Dental:** theo Danh sách bảo lãnh viện phí của Bảo Việt/ following to the Direct Billing list of Baoviet





2. Hướng dẫn sử dụng thẻ bảo lãnh/ Instruction for using Direct Billing Insurance Card

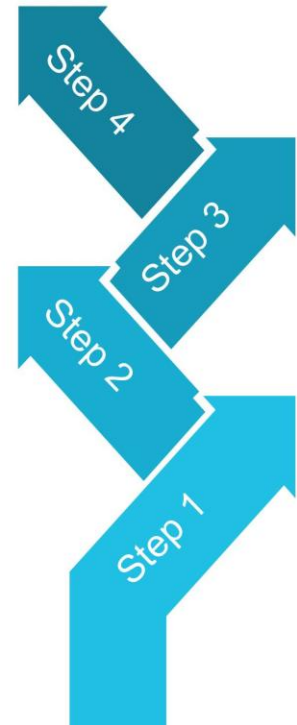
- Xuất trình thẻ bảo hiểm Bảo Việt cùng CMTND/ Passport ngay tại quầy bảo hiểm của bệnh viện khi nhập viện/ khám chữa/ Present immediately the Baoviet insurance card and Passport/ ID card for receptionist desk at hospitals
- Ngay sau khi hoàn tất các thủ tục y tế, Bảo Việt và bệnh viện sẽ phối hợp xem xét bảo lãnh cho khách hàng ngay tại thời điểm xuất viện/ After completing all medical treatment, Baoviet and hospitals will process all procedures to direct billing for The Insured at that time
- **Đặt cọc/ Deposit:** một số bệnh viện (Vinmec, Việt Pháp...) có thể yêu cầu đặt cọc trước một khoản (tùy mức độ nghiêm trọng của ca đó) để chứng minh tài chính và sẽ hoàn lại khoản cọc đó khi khách hàng thanh toán/ some hospitals (Vinmec, FV...) can require a deposit at admission (for some special serious cases) and will back this deposit to clients at discharge.
- ⇒ **Lưu ý/ Note:** Khách hàng có thể gọi đến số Hotline Phòng bảo lãnh của Bảo Việt (sau mặt thẻ) để nhận được hướng dẫn trực tiếp trong các trường hợp khẩn cấp và dịch vụ vận chuyển y tế cấp cứu/ Customers can contact the Hotline number of Baoviet to receive the support instructions in emergency cases and transportation services
- ⇒ **Lưu ý/ Note:** Trong thời gian nghỉ lễ, Bảo Việt có thể không đảm bảo dịch vụ bảo lãnh do không đủ thông tin và thủ tục yêu cầu hoặc bệnh viện không đủ nhân sự để thực hiện. Trong trường hợp đó, quý khách hàng vui lòng chi trả trước và claim sau/ During the holidays, Baoviet insurance company may refuse to guarantee due to insufficient information and required documents, or because the hospital does not have the personnel to guarantee. Please pay first and claim back.

VI. HỒ SƠ BỒI THƯỜNG/ CLAIM PROCEDURE

1. THANH TOÁN TRƯỚC VÀ BỒI THƯỜNG SAU/ PAY FIRST AND CLAIM BACK

CLAIM PROCEDURE

-  **Step 1 - Sending claim document by email**
After self payment, Insured collect medical document & invoice and send to GINET by email in order to check.
-
-  **Step 2 - GiNET check and instruct Insured to complete**
After receiving email from Insured, GiNET's compensation department will check and respond within 02 working days about the validity and completeness of claim document and instruct Insured to complete claim document.
-
-  **Step 3 - Sending claim document in hardcopy to GiNET/Insurer**
After completing document, Insured send hardcopy to GiNET/Insurer.
-
-  **Step 4 - Insurer settle claim document**
In case claim document is sufficient and valid, Insurer will pay compensation according to regulations.
In case Insurer request to supplement document, Insurer will send a notice within 3 days from the date of receipt.
GiNET will follow and support customers in the compensation during the process of claim settlement.



- ❖ Để kiểm tra hồ sơ trước khi gửi về GiNET, anh chị vui lòng gửi file ảnh hồ sơ bệnh án về email sau/ *To check the medical papers, please send the copies/ scan via email of GiNET:*

To: cskhnn@ginet-vn.com

CC: thaovtb@ginet-vn.com ; maiptq@ginet-vn.com

Title mail: CRYSTAL MARTIN – CLAIM BACK – NAME OF INSURED

LEGAL MEDICAL ESTABLISHMENTS

Customers can visit and treat at all legal medical establishments in the territory of Vietnam which:

- ✓ May issue electronic invoices/ red invoices
- ✓ Have a registered legal seal: round mark, square sign

2. HỒ SƠ BỒI THƯỜNG/ CLAIM DOCUMENT

- **Document for inpatient treatment**

1	Claim Form
2	Hospital discharge form

3	List of hospitalization expenses (including room charge)
4	Minor surgery/ surgery certificate (in case of minor surgery / surgery)
5	Prescriptions, indications and results of examination, testing
6	VAT invoice/ Particular invoice

• **Document for out patient treatment**

1	Claim Form
2	Examination form /medical examination book (clarify doctor's diagnosis and conclusions)
3	Prescription
4	VAT invoice/ electronic invoice
5	Retail invoice with the seal of the pharmacy/ hospital in case of under 200,000 VND

• **Document for medical treatment due to accident**

Beside the documents as above instruction (inpatient and out patient), in case of accident Insured need have:

1	Accident report
2	Minutes for handling accidents and other documents of the police (if any)
3	Minutes of injury assessment (if any)
4	Photo of driving license (in case of driving from 50cc)
5	Death certificate (death case)

*** Lưu ý/ NOTE:** Các chứng từ y tế cần có dấu và chữ ký của bệnh viện/ cơ sở khám chữa bệnh/ *All medical papers need sealed and signed by hospital/ clinic/ medical establishment*

VII. THÔNG TIN LIÊN HỆ/ CONTACTS

Nội dung/ Content	Địa chỉ/ Address
Cách thức nộp hồ sơ bồi thường/ Address for sending claim papers	1. Địa chỉ gửi hồ sơ bồi thường/ Address for sending claim papers to GiNET: Mr. Hùng Chiến - Công ty Cổ phần môi giới GiNET Việt Nam – Phòng 3, Tầng 11, Tòa nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội Tel: +84 247 1080 668 (ext: 106) – Di động: 0838 830 038 <i>Mr. Hung Chien - GiNET Vietnam Jsc. Co., – Room 3, 11st Floor, Harec Building, No. 4A Lang Ha, Ba Dinh, Hanoi</i> <i>Tel: +84 247 1080 668 (ext: 106) - Phone: 0838 830 038</i>
Liên hệ về bảo lãnh, tình trạng hồ sơ bồi thường/ Contact about the guarantee, the status of the claim	Công ty bảo hiểm Bảo Việt: <ul style="list-style-type: none"> Bảo lãnh viện phí 24/7: 0904 832 888/ 0906 633 757 GiNET Việt Nam - 0838 830 038/ 039 669 4364 BAOVIET Insurance Corporation: <ul style="list-style-type: none"> Direct billing Hotline 24/7: 0904 832 888/ 0906 633 757 GiNET Viet Nam - 0838 830 038/ 039 669 4364
Giải đáp thắc mắc về kết quả giải quyết bồi thường & Tư vấn quyền lợi bảo hiểm/ Inquiries about the results of compensation and Support for insurance benefits	1. Claim support Mr.Hùng Chiến: chiendh@ginet-vn.com Tel: +84 247 1080 668 (ext: 106) - Phone: 0838 830 038 2. Insurance program support Ms Quỳnh Mai maiptq@ginet-vn.com Tel: +84 247 1080 668 (ext: 103) – Phone: 0904 990 910 Ms Bích Thảo thaovtb@ginet-vn.com Tel: +84 247 1080 668 (ext: 105) – Phone: 039 669 4364

Lưu ý: Tài liệu này không phải là hợp đồng bảo hiểm và chỉ mang tính chất tham khảo/ In all cases, the instruction content is only for reference & does not replace the specified terms in the policy. Depending on specific circumstances, insurance company may require some other documents in order to clarify & have sufficient basis for claim settlement.